

Bản án số: 59/2021/KDTM-ST

Ngày: 19 - 10 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Mai;**

Bà Nguyễn Thị Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 112/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 2017/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 2051/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2021/QĐST-KDTM ngày 27/9/2021, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N** (gọi tắt là A); Trụ sở chính: Số 02 L, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông T V T – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà N P L H (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019, Quyết định số 262/QĐ-HĐTV-UBNS ngày 28/5/2020 và Giấy ủy quyền số 2971/UQ-NHNoHN ngày 19/11/2020 của Ngân hàng N);

Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn H** (gọi tắt là Công ty H); Địa chỉ: Số 175 T, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông N Q H ; Người đại diện theo ủy quyền: Ông L D N (Theo giấy ủy quyền ngày 12/10/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn H).

(Bà Hoa, ông Nam có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và các văn bản trình bày tiếp theo tại Tòa nguyên đơn – Ngân hàng N do bà N P L H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 8/2005, Ngân hàng N – Chi nhánh Hà Nội đã ký với Công ty H tổng cộng 04 Hợp đồng tín dụng với tổng giá trị là 14.013.636.017 đồng. Bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng vay dài hạn: dự án Nhà máy SX ống nhựa Kelen ngày 02/12/2003 số LAV200302610: Số tiền giải ngân 8.700.000.000; Mục đích sử dụng vốn: Nhập dây chuyền sản xuất ống nhựa Kelen-PPR theo công nghệ kelit – Cộng hòa Áo;

- Hợp đồng tín dụng ngày 20/7/2004 số 1500LAV200401609: Số tiền giải ngân 954.374.555 đồng; Mục đích giải ngân nhập ống nhựa, phụ kiện ống nhựa Kelen;

- Hợp đồng tín dụng ngày 04/5/2005 số LAV200500742: Số tiền giải ngân: 1.359.261.462 đồng; mục đích giải ngân nhập ống nhựa, phụ kiện ống nhựa Kelen;

- Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 01/8/2005 số LAV200501325: Số tiền giải ngân 3.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng Thanh toán tiền chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất ống nhựa Kelen.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên là Dây chuyền sản xuất ống nhựa KELLEN-PPR theo công nghệ Kelit – Cộng hòa Áo theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005. Tài sản trên đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tài sản số AT04002084BD nộp ngày 22/12/2004 tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo số 1192628544 ngày 29/9/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, A - Chi nhánh Hà Nội đã giải ngân cho bên vay đầy đủ các khoản vay như đã cam kết. Tuy nhiên, Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã không thực hiện đúng các cam kết dẫn đến các khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã chuyển nợ quá hạn nhiều năm, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc. Tính đến ngày 08/7/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã trả cho A chi nhánh Hà nội số nợ gốc là 3.450.136.017 đồng; nợ lãi là 1.156.645.596 đồng. Hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ A tổng cộng: 40.211.777.291 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 10.563.500.000 đồng;

+ Nợ lãi: 29.648.277.291 đồng (nợ lãi trong hạn: 20.837.079.756 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.811.197.535 đồng).

A đã nhiều lần trực tiếp làm việc và có văn bản đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. A khởi kiện và đề nghị Tòa án:

1. Buộc Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2021 là: 40.211.777.291 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 10.563.500.000 đồng;

- Nợ lãi: 29.648.277.291 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 20.837.079.756 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 8.811.197.535 đồng;

2. Buộc Công ty H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ sau ngày 19/10/2021 cho đến ngày Công ty H trả hết nợ gốc cho A hoặc cho đến khi thi hành bản án xong.

3. Trường hợp Công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Bản án, Quyết định của Tòa án A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 1 ngày 02/12/2003, phụ lục hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005 để thu hồi nợ.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho A, A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H để thu hồi nợ.

*** Bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn H do ông L D N là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Công ty H xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2003 đến tháng 8/2005, A – chi nhánh Hà Nội đã ký với Công ty H tổng cộng 04 Hợp đồng tín dụng với tổng giá trị là 14.013.636.017 đồng. Bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng vay dài hạn: dự án Nhà máy SX ống nhựa Kelen ngày 02/12/2003 số LAV200302610: Số tiền giải ngân 8.700.000.000; Mục đích sử dụng vốn: Nhập dây chuyền sản xuất ống nhựa Kelen-PPR theo công nghệ Kelit – Cộng hòa Áo;

- Hợp đồng tín dụng ngày 20/7/2004 số 1500LAV200401609: Số tiền giải ngân 954.374.555 đồng; Mục đích giải ngân nhập ống nhựa, phụ kiện ống nhựa Kelen;

- Hợp đồng tín dụng ngày 04/5/2005 số LAV200500742: Số tiền giải ngân: 1.359.261.462 đồng; mục đích giải ngân nhập ống nhựa, phụ kiện ống nhựa Kelen;

- Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 01/8/2005 số LAV200501325: Số tiền giải ngân 3.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng Thanh toán tiền chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất ống nhựa Kelen.

Tài sản bảo đảm là Dây chuyền sản xuất ống nhựa KELLEN-PPR theo công nghệ Kelit – Cộng hòa Áo theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005. Tài sản trên đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tài sản số AT04002084BD nộp ngày 22/12/2004 tại Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký, văn bản thông báo số 1192628544 ngày 29/9/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do gặp nhiều khó khăn, máy móc đầu tư không phát huy được hiệu quả. Khi đưa dây chuyền vào sản xuất công ty đã đầu tư thêm rất nhiều để sản phẩm được đồng bộ hóa, do vậy mà hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó, khăn do thiếu vốn lưu động dẫn đến việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do vậy, nhiều năm nay Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 08/7/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 40.211.777.291 đồng. Trong đó: nợ gốc: 10.563.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.837.079.756 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.811.197.535 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H có quan điểm đề nghị Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi. Từ nay đến hết năm 2021, Công ty sẽ cố gắng huy động thêm nguồn vốn từ các cổ đông, bất động sản của Công ty để thực hiện các nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

1. Buộc Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/10/2021 là: 40.720.930.754 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 10.563.500.000 đồng;
- Nợ lãi: 30.157.430.754 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 21.176.515.397 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 8.980.915.357 đồng;

2. Buộc Công ty H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày kế tiếp cho đến ngày Công ty H trả hết nợ gốc cho A hoặc cho đến khi thi hành bản án xong.

3. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày sau bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 1 ngày 02/12/2003, phụ lục hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005 để thu hồi nợ.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho A, A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H để thu hồi nợ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H giữ nguyên toàn bộ ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án và xác nhận tính đến ngày 19/10/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền: 40.720.930.754 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 10.563.500.000 đồng;
- Nợ lãi: 30.157.430.754 đồng đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 21.176.515.397 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 8.980.915.357 đồng;

Công ty có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền lãi quá hạn và giảm một phần tiền lãi trong hạn cho Công ty do Công ty kinh doanh thua lỗ gặp khó khăn trong nhiều năm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến:

Tổ tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; Vụ án có vi phạm về thời hạn xét xử, tuy nhiên một phần do tình hình dịch bệnh;

Nội dung: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều Căn cứ các 130, 131, 132, 133, 295, 296, 313, 329, 330, 331, 394, 400, 401, 471, 473 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 280, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền là 40.720.930.754 đồng. (Trong đó: Nợ lãi: 30.157.430.754 đồng; Nợ lãi trong hạn: 21.176.515.397 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.980.915.357 đồng). Công ty TNHH H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Công ty TNHH H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên tài sản thế chấp để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho A, A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H để thu hồi nợ. Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa A và Công ty H. A cấp tín dụng cho Công ty Hoài Nam để nhập dây chuyền sản xuất ống nhựa Kelen-PPR phục vụ nhu cầu kinh doanh thương mại hàng tiêu dùng của bên vay - là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, đăng ký lần đầu ngày 17/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18/7/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có địa chỉ trụ sở chính tại phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa, vì lý do sức khỏe hội thẩm nhân dân ông Lê Bá Lung không tiến hành tố tụng được, hội thẩm nhân dân dự khuyết bà Nguyễn Thị Cờ thay thế ông Lung tiến hành tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm

nay: Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã ký Hợp đồng tín dụng vay dài hạn số LAV200302610 ngày 02/12/2003; Hợp đồng tín dụng số 1500LAV200401609 ngày 20/7/2004; Hợp đồng tín dụng số LAV200500742 ngày 04/5/2005; Hợp đồng tín dụng trung hạn số LAV200501325 ngày 01/8/2005. Các bên xác nhận việc giao kết các hợp đồng tín dụng nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn và các bên cam kết tuân thủ, thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H có hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Hội đồng xét xử nhận định: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn thể hiện sau khi ký các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N đã giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H tổng số tiền là 14.013.636.017 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc là 3.450.136.017 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc là 10.563.500.000 đồng. Căn cứ các Điều 295, 296, 471 Bộ luật Dân sự năm 1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng N số tiền nợ gốc trên. Vì vậy, yêu cầu buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc: **10.563.500.000 đồng** là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi:

Theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay như sau:

- Hợp đồng tín dụng vay dài hạn số LAV200302610 ngày 02/12/2003: lãi suất cho vay là 0.85%/tháng (tương đương 10.2%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đối với số nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 1500LAV200401609 ngày 20/7/2004: lãi suất cho vay là 0.85%/tháng (tương đương 10.2%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đối với số nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số LAV200500742 ngày 04/5/2005: lãi suất cho vay là 1%/tháng (tương đương 12%/năm), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đối với số nợ gốc chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số LAV200501325 ngày 01/8/2005: lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi được điều chỉnh từng kỳ (6 tháng một lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên), lãi suất kỳ đầu là 1.18%/tháng. Từ kỳ thứ hai trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ trả lãi sau tại ngày làm việc đầu tiên kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng No&PTNT Hà Nội cộng phí ngân hàng tối thiểu là 4,5% nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại do Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam

quy định thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên khổ ước đối với số nợ gốc chậm trả.

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về mức lãi suất trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn H là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với các Điều 295, 296, 313, 471, 473 Bộ luật Dân sự năm 1995; phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004. Vì vậy, yêu cầu buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ lãi là 21.176.515.397 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của Ngân hàng N: Do Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng N nên ngân hàng đã chuyển các khoản nợ gốc chưa thanh toán sang quá hạn là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ lãi quá hạn 8.980.915.357 đồng của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 20/10/2021 cho đến ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N.

2.4. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005 được ký giữa Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội và Công ty trách nhiệm hữu hạn H: Công ty trách nhiệm hữu hạn H đồng ý cầm cố, thế chấp tài sản là Dây chuyên sản xuất ống nhựa KELLEN-PPR theo công nghệ Kelit – Cộng hòa Áo cho Ngân hàng N để đảm bảo cho các khoản vay của công ty.

Xét hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản đã được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội và Công ty trách nhiệm hữu hạn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng được giao kết trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ các 130, 131, 132, 133, 295, 296, 313, 329, 330, 331, 394, 400, 401, 471, 473 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 280, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015: Xác định Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01 ngày 02/12/2003; Phụ lục hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 28/6/2005 được ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội và Công ty trách nhiệm hữu hạn H có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Ngân hàng N là có căn cứ nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Do các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên Ngân hàng N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 130, 131, 132, 133, 295, 296, 313, 329, 330, 331, 394, 400, 401, 471, 473 Bộ luật dân sự năm 1995;

- Điều 280, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004;

- Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng vay dài hạn số LAV200302610 ngày 02/12/2003; Hợp đồng tín dụng số 1500LAV200401609 ngày 20/7/2004; Hợp đồng dụng số LAV200500742 ngày 04/5/2005; Hợp đồng tín dụng trung hạn số LAV200501325 ngày 01/8/2005.

2. Xác nhận tính đến hết ngày 19/10/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn H còn nợ ngân hàng N số tiền nợ gốc là: 10.563.500.000 (Mười tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là: 21.176.515.397 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng); nợ lãi quá hạn là: 8.980.915.357đồng (Tám tỷ chín trăm tám mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng). Tổng cộng số tiền là: 40.720.930.754đồng (Bốn mươi tỷ bảy trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng số tiền 40.720.930.754đồng (Bốn mươi tỷ bảy trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/10/2021 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại xử lý tài sản bảo đảm là Dây chuyền sản xuất ống nhựa KELLEN-PPR theo công nghệ Kelit – Cộng hòa Áo để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn H để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 148.720.930 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 73.465.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0015018 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng N, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTPHN;
- VKSNDTPHN;
- VKS nhân dân quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú